

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Thương mại

Tên học phần (tiếng Anh) : Commercial Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011812
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 35 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						
		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Ngành <input checked="" type="checkbox"/>			Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Luật Doanh nghiệp
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Thương mại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức cơ bản về thương nhân và các hành vi thương mại; quy chế pháp lý về giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại; các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại phi toà án như: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng được kiến thức pháp lý liên quan đến việc thành lập và hoạt động của thương nhân; đánh giá, lựa chọn mô hình pháp lý phù hợp để hoạt động kinh doanh thương mại; thực hiện và tư vấn về các hoạt động thương mại cụ thể, phổ biến như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trung gian thương mại và xúc tiến thương mại. Người học cũng có khả năng vận dụng quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại để có thể tự mình thực hiện hoặc tư vấn cho các thương nhân; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật khi tham gia các hoạt động thương mại.

4) **Chuẩn đầu ra của học phần** (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R, M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu và phân tích được quy định của pháp luật hiện hành về: địa vị pháp lý của các thương nhân, đặc điểm pháp lý của các hợp đồng thương mại: so sánh những quy định pháp luật về các biện pháp chế tài khi vi phạm hợp đồng theo Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại.	Kiến thức
CLO2	Phân tích và so sánh được các quy định pháp luật có liên quan đến các vấn đề phức tạp trong hoạt động thương mại như: quy chế thành lập, hoạt động của thương nhân, hợp đồng thương mại, phá sản và giải quyết tranh chấp thương mại.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý liên quan đến hoạt động thương mại.	Kỹ năng
CLO4	Có khả năng phân tích các tình huống pháp lý và lựa chọn giải pháp phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Thương mại và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chịu trách nhiệm về các quyết định và kết quả công việc của mình; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong hoạt động thương mại.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật thương mại Việt Nam 1.1. Khái lược sự hình thành và phát triển của Luật Thương mại 1.2. Khái niệm và nội dung của Luật Thương mại Việt Nam 1.3. Chủ thể của Luật Thương mại 1.4. Môi quan hệ giữa Luật thương mại, Luật dân sự và Luật Thương mại quốc tế	5		10	CLO 1	Thuyết giảng	[1]; [3]	Đọc chương 1 giáo trình Luật Thương mại I;

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.5.Nguồn cơ bản của Luật Thương mại Việt Nam							
2	<p>Chương 2: Thương nhân và hành vi thương mại</p> <p>2.1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi thương mại</p> <p>2.2. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của thương nhân</p> <p>2.3. Các loại thương nhân</p> <p>2.4. Chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân và chủ sở hữu thương nhân</p> <p>2.5. Quyền cơ bản của thương nhân</p>	5		10	CLO 1; CLO 2; CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình Luật Thương mại I; Đọc quy định pháp luật về thương nhân tại Luật Thương mại 2005
3	<p>Chương 3: Quy chế pháp lý về các loại thương nhân</p> <p>3.1. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức doanh nghiệp</p> <p>3.2. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức Hộ kinh doanh</p> <p>3.3. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức hợp tác xã</p>	5		15	CLO 1 CLO 2; CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 7 giáo trình Luật Thương mại I; Đọc quy định pháp luật về thương nhân tại Luật Thương mại 2005; Đọc quy định pháp luật về Hộ Kinh doanh tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp; Đọc quy định về hợp tác xã tại Luật Hợp tác xã 2023 và văn bản hướng dẫn thi hành
	Chương 4: Pháp luật về phá sản	3	2	15	CLO 2;	Thuyết giảng;	[1]; [2]; [3]; [4];	Làm bài tập chương 3
4	4.1. Khái quát về phá sản và pháp luật phá sản 4.2. Chủ thể tham gia quá trình giải quyết yêu cầu phá sản 4.3. Trình tự giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 4.4. Trình tự giải quyết yêu cầu phá sản trong các trường hợp đặc biệt				CLO 3; CLO 4.	Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[5].	Đọc chương 13 giáo trình Luật thương mại I; Đọc Luật phá sản 2014
5	Chương 5: Pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại 5.1. Những vấn đề chung về hợp đồng kinh doanh thương mại 5.2. Quy chế pháp lý về giao kết và hiệu lực của hợp đồng kinh doanh thương mại 5.3. Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng kinh doanh	5		10	CLO 1; CLO 2 CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 4; Đọc quy định pháp luật về hợp đồng tại văn Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	thương mại							
6	<p>Chương 6: Quy chế pháp lý về hoạt động thương mại</p> <p>6.1. Hoạt động mua bán hàng hoá</p> <p>6.2. Các hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại</p> <p>6.3. Các hoạt động xúc tiến thương mại</p>	6	4	25	<p>CLO 2;</p> <p>CLO 3;</p> <p>CLO 4;</p> <p>CLO 5.</p>	<p>Thuyết giảng;</p> <p>Thảo luận nhóm;</p> <p>Giải quyết tình huống pháp lý</p> <p>Báo cáo chuyên đề.</p>	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	<p>Làm bài tập chương 5</p> <p>Đọc chương 1,2,3,4 giáo trình Luật thương mại 2</p>
7	<p>Chương 7: Chế tài trong hoạt động thương mại</p> <p>7.1. Khái niệm chế tài trong thương mại</p> <p>7.2. Căn cứ và điều kiện áp dụng chế tài trong thương mại</p> <p>7.3. Các loại chế tài trong thương mại</p> <p>7.4. Miễn áp dụng các hình thức chế tài</p>	5		10	<p>CLO 2;</p> <p>CLO 3;</p> <p>CLO 4;</p> <p>CLO 5</p>	<p>Thuyết giảng;</p> <p>Thảo luận nhóm;</p> <p>Báo cáo chuyên đề.</p>	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	<p>Làm bài tập chương 6</p> <p>Đọc chương 13 giáo trình Luật Thương mại I</p>

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	Chương 8: Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại 8.1. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp thương mại 8.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại 8.3. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại	3	2	10	CLO 2; CLO 3; CLO 4; CLO 5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 7 Đọc chương 11,12 giáo trình Luật thương mại II; Đọc Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật Trọng tài thương mại 2014

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính; Luật thương mại 2005; Luật Hợp tác xã 2023; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm,	Chủ đề thảo luận; Giáo trình chính;

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
		trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Hợp tác xã 2023 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Giáo trình chính; Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Hợp tác xã 2023 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp; Tình huống giả định

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Đại học Luật Hà Nội. 2020. Giáo trình Luật Thương mại tập I, tập II, NXB Tư pháp.

(2) Các văn bản quy phạm pháp luật:

- Quốc hội, Luật Doanh nghiệp năm 2020
- Quốc hội, Luật Hợp tác xã năm 2023
- Quốc hội, Luật Phá sản năm 2014
- Quốc hội, Luật Thương mại 2005
- Quốc hội, Bộ luật Dân sự 2015
- Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015
- Quốc hội, Luật Trọng tài thương mại 2010
- Chính phủ, Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký

doanh nghiệp

- Chính phủ, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề thanh lý, quản lý tài sản

- Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/8/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Phá sản

- Bộ kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 về đăng ký doanh nghiệp

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Đại học Luật TP Hồ Chí Minh. 2023. Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh, NXB Hồng Đức

(2) Đại học Luật TP Hồ Chí Minh. 2020. Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, NXB Hồng Đức.

(3) Nguyễn Thị Dung.2020.Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư-Những vấn đề pháp lý cơ bản, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	40%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
	Bài tập tự học[4]		
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3								M		
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X		X	X
Thảo luận nhóm	X		X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Thực hành tại lớp		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X		X	X	X
Bài tập tự học		X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X		X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7- 9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7- 9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
2. Phương pháp nghiên cứu	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Nguyễn Thị Thái Thuận

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thái Thuận	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0983819282
Email: nguyenthuan@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	